

Số: 236/QĐ-UBND

Lâm Bình ngày 20 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo Chương trình 30a thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2018 xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015.

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban Dân tộc về quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 04/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định một số nội dung và mức chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 06/2/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch vốn năm 2018 thực hiện Dự án 1: Chương trình 30a thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Lâm Bình;

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện Dự án 1: Chương trình 30a thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung nội dung thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo Chương trình 30a thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2018;

Căn cứ Quyết định 208/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo Chương trình 30a thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2018 xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình;

Xét đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo số 258/BC-PNN ngày 19/11/2018 về việc báo cáo kết quả thẩm định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo Chương trình 30a thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2018 xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo Chương trình 30a thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2018 xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình, cụ thể như sau:

1. Tên dự án: Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo Chương trình 30a thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2018 xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình.

2. Địa điểm thực hiện: Xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình.

3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Thượng Lâm.

4. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2018-2021.

5. Nội dung thực hiện

5.1. Nội dung, quy mô dự án: Tổng số hộ tham gia thực hiện dự án hộ: 62 hộ, trong đó:

- Dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất mua giống dê cái sinh sản: Tổng số 09 hộ tham gia thực hiện dự án (trong đó: 04 hộ nghèo, 05 hộ cận nghèo)

- Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất mua giống dê cái sinh sản: Tổng số 27 hộ tham gia thực hiện dự án (trong đó: 22 hộ nghèo, 02 hộ cận nghèo, 03 hộ mới thoát nghèo không quá 24 tháng).

- Dự án 3: Hỗ trợ nhân rộng mô hình giảm nghèo mua giống dê cái sinh sản: Tổng số 26 hộ tham gia thực hiện dự án (trong đó: 02 hộ nghèo, 16 hộ cận nghèo, 08 hộ mới thoát nghèo không quá 24 tháng).

5.2. Tổng kinh phí thực hiện: 550.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

5.2.1. Dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất mua giống dê cái sinh sản: 84.000.000 đồng, trong đó:

- Chi phí hỗ trợ cho các hộ thực hiện dự án: 80.000.000 đồng.
- Chi phí lập, thẩm định, quản lý: 4.000.000 đồng.

5.2.2. Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất mua giống dê cái sinh sản: 266.000.000 đồng, trong đó:

- Chi phí hỗ trợ cho các hộ thực hiện dự án: 254.000.000 đồng.
- Chi phí lập, thẩm định, quản lý: 12.000.000 đồng.

5.2.3. Dự án 3: Hỗ trợ nhân rộng mô hình giảm nghèo mua giống dê cái sinh sản: 200.000.000 đồng, trong đó:

- Chi phí hỗ trợ cho các hộ thực hiện dự án: 196.000.000 đồng.
- Chi phí lập, thẩm định, quản lý: 4.000.000 đồng.

(Chi tiết có biểu kèm theo)

6. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn Chương trình 30a năm 2018 được giao tại Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện Dự án 1: Chương trình 30a thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2018.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân xã Thượng Lâm căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Tài chính-Kế hoạch, Phòng Dân tộc căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân xã Thượng Lâm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Các cơ quan, đơn vị thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện: Theo chức năng, nhiệm vụ và địa bàn được phân công phụ trách, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên xuyên bám sát, kịp thời hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát quá trình thực hiện đối với Ủy ban nhân dân xã, kịp thời xử lý những phát sinh và đề xuất Ủy ban nhân dân huyện giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các nội dung kế hoạch thực hiện dự án, đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng và đạt hiệu quả.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các Phòng: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính-Kế hoạch; Dân tộc; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lâm Bình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thượng Lâm và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: **nq**

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện; | (báo cáo)
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể huyện;
- Chủ tịch, Phó CT UBND huyện;
- Các Ban Hội đồng nhân dân huyện;
- Như Điều 3; (thi hành)
- Phó CVP HĐND và UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện; (để đăng tải)
- Lưu: VT, CV_(Phòng).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hiền

BIỂU 1A: DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN 1: HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT MUA GIỐNG DÊ CÁI SINH SẢN CHƯƠNG TRÌNH 30a THUỘC CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2018 XÃ THƯỢNG LÂM, HUYỆN LÂM BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên thôn bản	Đơn vị tính	Tổng số hộ	Số lượng giống cái dê sinh sản hỗ trợ (con)	Trong đó		Ghi chú
					Tổng số	Kinh phí Nhà nước hỗ trợ	
I	Chi phí mua dê cái sinh sản		9	40	80.000.000	80.000.000	
1	Thôn Bản Bó		4	19	38.000.000	38.000.000	
-	Hộ Nghèo	Hộ	3	15	30.000.000	30.000.000	
-	Hộ Cận nghèo	Hộ	1	4	8.000.000	8.000.000	
2	Thôn Khuôn Hon		4	16	32.000.000	32.000.000	<i>Dê cái sinh sản trọng lượng con nhỏ nhất từ 18kg trở lên</i>
-	Hộ cận nghèo	Hộ	4	16	32.000.000	32.000.000	
4	Thôn Nà Lung		1	5	10.000.000	10.000.000	
-	Hộ Nghèo	Hộ	1	5	10.000.000	10.000.000	
II	Chi phí khác				4.000.000	4.000.000	
	- Chi phí thăm tra, phê duyệt quyết toán				400.000	400.000	
	- Chi phí xây dựng, quản lý				3.600.000	3.600.000	
TỔNG CỘNG:			9	40	84.000.000	84.000.000	

BIỂU 1B: DANH SÁCH HỘ THAM GIA DỰ ÁN 1: HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT MUA GIỐNG DÊ CÁI SINH SẢN CHƯƠNG TRÌNH 30a THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2018 XÃ THƯỢNG LÂM, HUYỆN LÂM BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Họ và tên	Thuộc đối tượng				Số lượng giống dê cái sinh sản được hỗ trợ		Kinh phí Nhà nước hỗ trợ	Ghi chú
		Tổng số hộ	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ mới thoát nghèo	Tổng số (con)	Tổng số (kg)		
I	Thôn Bản Bó	4	3	1		19		38.000.000	
1	Quan Văn Sỹ	1	x			5	Từ 91kg trở lên	10.000.000	Dê cái sinh sản trọng lượng con nhỏ nhất từ 18kg trở lên
2	Quan Văn Có	1	x			5	Từ 91kg trở lên	10.000.000	
3	Quan Văn Khoa	1	x			5	Từ 91kg trở lên	10.000.000	
4	Quan Văn Lim	1		x		4	Từ 72kg trở lên	8.000.000	
II	Thôn Khuôn Hon	4		4		16		32.000.000	
1	Nông Văn Tuấn	1		x		4	Từ 72kg trở lên	8.000.000	
2	Quan Ngọc Hiệp	1		x		4	Từ 72kg trở lên	8.000.000	
3	Hoàng Văn Ván	1		x		4	Từ 72kg trở lên	8.000.000	
4	Duy Lê Linh	1		x		4	Từ 72kg trở lên	8.000.000	
III	Thôn Nà Lung	1	1	0		5		10.000.000	
1	Châu Văn Sách	1	x			5	Từ 91kg trở lên	10.000.000	
TỔNG CỘNG:		9	4	5		40		80.000.000	

*** Lưu ý:**

- Căn cứ vào dự toán được phê duyệt, tình hình thực tế và số dê cụ thể để triển khai thực hiện.
- Tổng số tiền mua dê phải bằng hoặc cao hơn so với kinh phí được phê duyệt. Trường hợp số tiền mua dê vượt so với định mức, các hộ gia đình phải đối ứng kinh phí.

BIỂU 2A: DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN 2: HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT MUA GIỐNG DÊ CÁI SINH SẢN CHƯƠNG TRÌNH 30A THUỘC CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2018

XÃ THƯƠNG LÂM HIỆN LÂM BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên thôn bản	Đơn vị tính	Tổng số hộ	Số con dự kiến	Trong đó		Ghi chú
					Tổng số	Vốn nhà nước hỗ trợ	
I	Chi phí mua giống dê cái sinh sản		27	127	254.000.000	254.000.000	
1	Thôn Nà Tông		2	10	20.000.000	20.000.000	
-	Hộ nghèo	Hộ	2	10	20.000.000	20.000.000	
2	Thôn Nà Lầu		5	22	44.000.000	44.000.000	
-	Hộ nghèo	Hộ	3	15	30.000.000	30.000.000	
-	Hộ cận nghèo	Hộ	1	4	8.000.000	8.000.000	
-	Hộ mới thoát nghèo không quá 24 tháng	Hộ	1	3	6.000.000	6.000.000	
3	Thôn Nà Liềm		3	12	24.000.000	24.000.000	
-	Hộ Nghèo	Hộ	1	5	10.000.000	10.000.000	
-	Hộ cận nghèo	Hộ	1	4	8.000.000	8.000.000	
-	Hộ mới thoát nghèo không quá 24 tháng	Hộ	1	3	6.000.000	6.000.000	
4	Thôn Cốc Phát		3	13	26.000.000	26.000.000	
-	Hộ nghèo	Hộ	2	10	20.000.000	20.000.000	
-	Hộ mới thoát nghèo không quá 24 tháng	Hộ	1	3	6.000.000	6.000.000	
5	Thôn Nà Bản		3	15	30.000.000	30.000.000	
-	Hộ nghèo	Hộ	3	15	30.000.000	30.000.000	
6	Thôn Nà Đông		1	5	10.000.000	10.000.000	
-	Hộ Nghèo	Hộ	1	5	10.000.000	10.000.000	
7	Thôn Nà Ta		5	25	50.000.000	50.000.000	
-	Hộ Nghèo	Hộ	5	25	50.000.000	50.000.000	
8	Thôn Nà Thuận		5	25	50.000.000	50.000.000	
-	Hộ Nghèo	Hộ	5	25	50.000.000	50.000.000	
II	Chi phí khác				12.000.000	12.000.000	
	- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán.				1.270.000	1.270.000	
	- Chi phí xây dựng, quản lý 5%				10.730.000	10.730.000	
TỔNG CỘNG:					266.000.000	266.000.000	

Dê cái sinh sản trọng lượng con nhỏ nhất từ 18kg trở lên

BIỂU 2B: DANH SÁCH HỘ THAM GIA DỰ ÁN 2: HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT MUA GIỐNG ĐÊ CÁI SINH SẢN CHƯƠNG TRÌNH 30a THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2018 XÃ THƯỢNG LÂM, HUYỆN LÂM BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Họ và tên	Thuộc đối tượng				Số lượng giống dê cái sinh sản được hỗ trợ		Kinh phí nhà nước hỗ trợ	Ghi chú
		Tổng số hộ	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ mới thoát nghèo	Tổng số (con)	Tổng số (kg)		
I	Thôn Nà Tông	2	2	0	0	10		20.000.000	
1	Tướng Trung Thắng	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	Dê cái sinh sản trọng lượng con nhỏ nhất từ 18 kg trở lên
2	Nguyễn Văn Giang	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	
II	Thôn Nà Lâu	5	3	1	1	22		44.000.000	
1	Nông Văn Hôn	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	
2	Hoàng Văn Lường	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	
3	Quan Văn Kiều	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	
4	Quan Văn Đoan	1			x	3	Từ 54 kg trở lên	6.000.000	
5	Quan Văn Thái	1		x		4	Từ 72 kg trở lên	8.000.000	
III	Thôn Nà Liềm	3	1	1	1	12		24.000.000	
1	Hòa Văn Tuấn	1			x	3	Từ 54 kg trở lên	6.000.000	
2	Ngô Thế Hiệu	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	
3	Ngô Thế Bên	1		x		4	Từ 72 kg trở lên	8.000.000	
IV	Thôn Cốc Phát	3	2	0	1	13		26.000.000	
1	Bản Hữu Sơn	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	
2	Quan Văn Thái	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	
3	Ma Văn Hội	1			x	3	Từ 54 kg trở lên	6.000.000	
V	Thôn Nà Bản	3	3	0	0	15		30.000.000	
1	Nguyễn Văn Hùng	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	
2	Hoàng Văn Tiến	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	
3	Nguyễn Văn Linh	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	
VI	Thôn Nà Đông	1	1	0	0	5		10.000.000	
1	Hoàng Văn Ân	1	x			5	Khoảng 91 kg	10.000.000	
VII	Thôn Nà Ta	5	5	0	0	25		50.000.000	
1	Triệu Phương Khuôn	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	
2	Triệu Phương Khèn	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	



STT	Họ và tên	Thuộc đối tượng				Số lượng giống dê cái sinh sản được hỗ trợ		Kinh phí nhà nước hỗ trợ	Ghi chú
		Tổng số hộ	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ mới thoát nghèo	Tổng số (con)	Tổng số (kg)		
3	Lộc Văn Bưu	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	Dê cái sinh sản trọng lượng con nhỏ nhất từ 18 kg trở lên
4	Triệu Trung Hín	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	
5	Triệu Trung Phoi	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	
VIII	Thôn Nà Thuôn	5	5	0	0	25		50.000.000	
1	Hoàng Văn Ngụ	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	
2	Ma Văn Thu	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	
3	Quan Văn Anh	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	
4	Nông Văn Phẩm	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	
5	Hoàng Văn Đạt	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	
TỔNG CỘNG:		27	22	2	3	127		254.000.000	

*** Lưu ý:**

- Căn cứ vào dự toán được phê duyệt, tình hình thực tế và số dê cụ thể để triển khai thực hiện.
- Tổng số tiền mua dê phải bằng hoặc cao hơn so với kinh phí được phê duyệt. Trường hợp số tiền mua dê vượt so với định mức, các hộ gia đình phải đối ứng kinh phí.

BIỂU 3A: DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN 3: HỖ TRỢ NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO MUA GIỐNG ĐÊ CÁI SINH SẢN CHƯƠNG TRÌNH 30A THUỘC CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2018 XÃ THƯỢNG LÂM, HUYỆN LÂM BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên thôn bản	Đơn vị tính	Tổng số hộ	Số lượng giống dê cái sinh sản hỗ trợ (con)	Trong đó		Ghi chú
					Tổng số	Kinh phí Nhà nước hỗ trợ	
I	Chi phí mua giống dê cái sinh sản		26	91	196.000.000	196.000.000	
1	Thôn Nà Lâu		3	11	22.000.000	22.000.000	<i>Dê cái sinh sản trọng lượng con nhỏ nhất từ 18kg trở lên</i>
-	Hộ cận nghèo	Hộ	2	8	16.000.000	16.000.000	
-	Hộ mới thoát nghèo không qua 24 tháng	Hộ	1	3	6.000.000	6.000.000	
2	Thôn Nà Lung		2		16.000.000	16.000.000	
-	Hộ cận nghèo	Hộ	2	8	16.000.000	16.000.000	
3	Thôn Bản Chạy		3	12	24.000.000	24.000.000	
-	Hộ nghèo	Hộ	1	5	10.000.000	10.000.000	
-	Hộ cận nghèo	Hộ	1	4	8.000.000	8.000.000	
-	Hộ mới thoát nghèo không quá 24 tháng	Hộ	1	3	6.000.000	6.000.000	
4	Thôn Cốc Phát		3	12	24.000.000	24.000.000	
-	Hộ cận nghèo	Hộ	3	12	24.000.000	24.000.000	
5	Thôn Nà Va		5	16	32.000.000	32.000.000	
-	Hộ cận nghèo	Hộ	1	4	8.000.000	8.000.000	
-	Hộ mới thoát nghèo không quá 24 tháng	Hộ	4	12	24.000.000	24.000.000	
6	Thôn Nà Bản		3	13	26.000.000	26.000.000	
	Hộ nghèo	Hộ	1	5	10.000.000	10.000.000	
-	Hộ cận nghèo	Hộ	2	8	16.000.000	16.000.000	
7	Thôn Nà Đông		3	11	22.000.000	22.000.000	
-	Hộ cận nghèo	Hộ	2	8	16.000.000	16.000.000	



STT	Tên thôn bản	Đơn vị tính	Tổng số hộ	Số lượng giống dê cái sinh sản hỗ trợ (con)	Trong đó		Ghi chú
					Tổng số	Kinh phí Nhà nước hỗ trợ	
-	Hộ mới thoát nghèo không quá 24 tháng	Hộ	1	3	6.000.000	6.000.000	<i>Dê cái sinh sản trọng lượng con nhỏ nhất từ 18kg trở lên</i>
8	Thôn Nà Thuôn		1	4	8.000.000	8.000.000	
-	Hộ cận nghèo	Hộ	1	4	8.000.000	8.000.000	
9	Thôn Khau Dao		1	4	6.000.000	6.000.000	
-	Hộ mới thoát nghèo không quá 24 tháng	Hộ	1	4	6.000.000	6.000.000	
10	Thôn Bản Bó		2	8	16.000.000	16.000.000	
-	Hộ cận nghèo	Hộ	2	8	16.000.000	16.000.000	
II	<i>Chi phí khác</i>				4.000.000	4.000.000	
	- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán				500.000	500.000	
	- Chi phí xây dựng, quản lý.				3.500.000	3.500.000	
TỔNG CỘNG:					200.000.000	200.000.000	

BIỂU 3B: DANH SÁCH HỘ THAM GIA DỰ ÁN 3: HỖ TRỢ NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO MUA GIỐNG DÊ CÁI SINH SẢN CHƯƠNG TRÌNH 30a THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQGG NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2018 XÃ THƯỢNG LÂM, HUYỆN LÂM BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Họ và tên	Thuộc đối tượng				Số lượng giống dê cái sinh sản được hỗ trợ		Kinh phí Nhà nước hỗ trợ	Ghi chú
		Tổng số hộ	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ mới thoát nghèo	Tổng số (con)	Tổng số (kg)		
I	Thôn Nà Lầu	3	0	2	1	11		22.000.000	
1	Quan Văn Dũng B	1		x		4	Từ 73 kg trở lên	8.000.000	Dê cái sinh sản trọng lượng con nhỏ nhất từ 18 kg trở lên
2	Lộc Văn Hòa	1		x		4	Từ 73 kg trở lên	8.000.000	
3	Nông Văn Thắng	1			x	3	Từ 55 kg trở lên	6.000.000	
II	Thôn Nà Lung	2	0	2	0	8		16.000.000	
1	Châu Văn Tụng	1		x		4	Từ 73 kg trở lên	8.000.000	
2	Quan Văn Thực	1		x		4	Từ 73 kg trở lên	8.000.000	
III	Thôn Bản Chợ	3	1	1	1	12		24.000.000	
1	Hoàng Thị Cát	1		x		4	Từ 73 kg trở lên	8.000.000	
2	Duy Mạnh Trường	1			x	3	Từ 55 kg trở lên	6.000.000	
3	Ngô Thế Hóa	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	
IV	Thôn Cốc Phát	3	0	3	0	12		24.000.000	
1	Bàn Tiến Thanh	1		x		4	Từ 73 kg trở lên	8.000.000	
2	Bàn Hữu Văn	1		x		4	Từ 73 kg trở lên	8.000.000	
3	Bàn Văn Hương	1		x		4	Từ 73 kg trở lên	8.000.000	
V	Thôn Nà Va	5	0	1	4	16		32.000.000	
1	Hoàng Văn Hà	1			x	3	Từ 55 kg trở lên	6.000.000	
2	Hoàng Văn Nhật	1			x	3	Từ 55 kg trở lên	6.000.000	
3	Phúc Văn Hải	1		x		4	Từ 73 kg trở lên	8.000.000	
4	Châu Văn Bượng	1			x	3	Từ 55 kg trở lên	6.000.000	
5	Quan Văn Môn	1			x	3	Từ 55 kg trở lên	6.000.000	
VI	Thôn Nà Đán	3	1	2	0	15		26.000.000	
1	Châu Xuân Hồng	1		x		4	Từ 73 kg trở lên	8.000.000	
2	Hoàng Văn Nghinh	1		x		4	Từ 73 kg trở lên	8.000.000	
3	Quan Văn Ty	1	x			5	Từ 91 kg trở lên	10.000.000	
VII	Thôn Nà Đông	3	0	2	1	11		22.000.000	

1	Nông Văn Bương	1		x		4	Từ 73 kg trở lên	8.000.000	Đê cái sinh sản trọng lượng con nhỏ nhất từ 18 kg trở lên
2	Lộc Văn Làn	1		x		4	Từ 73 kg trở lên	8.000.000	
3	Nông Văn Nhiều	1			x	3	Từ 55 kg trở lên	6.000.000	
VIII	Thôn Nà Thuôn	1	0	1	0	4		8.000.000	
1	Quan Văn Thiệu	1		x		4	Từ 73 kg trở lên	8.000.000	
IX	Thôn Khau Dao	1	0	0	1	3		6.000.000	
1	Hoàng Văn Duẩn	1			x	3	Từ 55 kg trở lên	6.000.000	
X	Bản Bó	2	0	2	0	8		16.000.000	
1	Quan Văn Phở	1		x		4	Từ 73 kg trở lên	8.000.000	
2	Quan Văn Vĩnh	1		x		4	Từ 73 kg trở lên	8.000.000	
TỔNG CỘNG:		26	2	16	8	98		196.000.000	

*** Lưu ý:**

- Căn cứ vào dự toán được phê duyệt, tình hình thực tế và số dê cụ thể để triển khai thực hiện.
- Tổng số tiền mua dê phải bằng hoặc cao hơn so với kinh phí được phê duyệt. Trường hợp số tiền mua dê vượt so với định mức, các hộ gia đình phải đối ứng kinh phí.

